

## TRÍCH YẾU LUẬN ÁN

### I. TÓM TẮT MỞ ĐẦU

Họ và tên tác giả: **HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG**

Tên luận án :

**“Trồng và sử dụng cây Chùm ngây (*Moringa oleifera*) trong chăn nuôi gà lông màu”**

Ngành: Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi Mã số : 9 62 01 07

Cơ sở đào tạo: Viện Chăn nuôi

### II. NỘI DUNG

#### Mục đích nghiên cứu

- Xác định được mật độ trồng, khoảng cách cắt, mức bón đạm thích hợp cho cây *M. oleifera* trồng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.

- Xác định được tỷ lệ tiêu hóa các chất dinh dưỡng và giá trị năng lượng trao đổi của bột lá *M. oleifera* trên gà.

- Xác định được tỷ lệ thay thế thích hợp khô dầu đậu tương bằng bột lá *M. oleifera* tính theo hàm lượng protein trong khẩu phần của gà thịt và gà đẻ bố mẹ Lương Phượng.

#### Đối tượng nghiên cứu

- Cây *M. oleifera* (Chùm ngây)

- Bột lá *M. oleifera*

- Gà thịt Lương Phượng

- Gà đẻ Lương Phượng

#### Phương pháp nghiên cứu

- Số liệu khí tượng được thu thập từ trạm quan trắc khí tượng thủy văn tỉnh Thái Nguyên. Đất khu vực thí nghiệm được phân tích thành phần hoá học.

- Sử dụng phương pháp thí nghiệm đồng ruộng để xác định mật độ trồng, mức bón phân đạm, khoảng cách cắt thích hợp cho cây *M. oleifera*.

- Sử dụng phương pháp xác định tỉ lệ tiêu hóa hồi tràng và phương pháp xác định năng lượng trao đổi có hiệu chỉnh theo lượng nitơ tích lũy trong cơ thể gà đẻ để xác định tỉ lệ tiêu hóa các chất dinh dưỡng và năng lượng trao đổi của bột lá *M. oleifera*.

- Sử dụng phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi (theo kiểu một nhân tố) để xác định tỷ lệ thay thế thích hợp khô dầu đậu tương bằng bột lá *M. oleifera* tính theo hàm lượng protein trong khẩu phần của gà thịt và gà đẻ bố mẹ Lương Phượng.

### III. KẾT QUẢ

1. Mật độ 71.500 cây/ha có sản lượng VCK và protein thô cao nhất (9,063 và 3,103 tấn/ha/năm), chi phí sản xuất cho 1kg bột lá thấp nhất (7950 đồng/kg).

2. Mức bón 60 kgN là tối ưu nhất, sản lượng VCK, protein thô đạt 8,975 và 3,073 tấn/ha/năm, chi phí 8.482 đồng/ kg bột lá, hiệu lực sản xuất của 1 kgN là 5,81 kg vật chất khô và 2,45 kg protein của lá.

3. Khoảng cách cắt 40 ngày/ lứa là tối ưu, sản lượng VCK, protein thô đạt 8,853 và 3,108 tấn/ha/năm.

4. Tỷ lệ tiêu hóa hồi tràng của protein, lipit, xơ và dẫn xuất không chứa nitơ của bột lá *M. oleifera* trên gà thịt là 67,97%, 78,15%, 25,48% và 72,84%. Năng lượng trao đổi có hiệu chỉnh theo lượng nitơ tích lũy trong cơ thể gà của 1kg vật chất khô và 1kg bột lá *M. oleifera* (90,68 % VCK) là 2480 kcal và 2249 kcal.

5. Mức thay thế 20% khô dầu đậu tương bằng bột lá *M. oleifera* tính theo tỷ lệ protein của khô dầu đậu tương trong khẩu phần gà thịt giống Lương Phượng là tối ưu, khối lượng gà lúc 70 ngày tuổi đạt 2059g, tăng khối lượng 33,27 g/ngày; tiêu tốn 2,73kg thức ăn/kg tăng khối lượng.

6. Mức thay thế 30% khô dầu đậu tương bằng bột lá *M. oleifera* tính theo tỷ lệ protein của khô dầu đậu tương trong khẩu phần gà đẻ bố mẹ Lương Phượng là tối ưu, năng suất trứng đạt 77,82 quả/mái/112 ngày, tỷ lệ gà con loại I/ trứng ấp là 88,80%, tiêu tốn và chi phí thức ăn/1 gà con loại I là 0,266 kg và 2395 đồng.

### IV. KẾT LUẬN

Luận án bổ sung cơ sở dữ liệu về: i) mật độ trồng, khoảng cách giữa các lứa cắt, mức bón đạm phù hợp cho cây *Moringa oleifera* trồng làm thức ăn chăn nuôi, ii) tỷ lệ tiêu hóa các chất dinh dưỡng và giá trị năng lượng trao đổi của bột lá *Moringa oleifera* trên gà, đây là cơ sở để phối hợp bột lá *Moringa oleifera* vào khẩu phần của gà, iii) tỷ lệ thay thế thích hợp khô dầu đậu tương trong khẩu phần của gà thịt và gà đẻ bố mẹ giống Lương Phượng. Điều này cho thấy có thể sử dụng bột lá cây *Moringa oleifera* thay thế 1 phần khô dầu đậu tương trong khẩu phần nuôi gà lông màu. Kết quả mở ra một hướng đi mới cho việc trồng, chế biến, sử dụng bột lá *Moringa oleifera* làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi ở nước ta.

**Người hướng dẫn 1**

**Người hướng dẫn 2**

**Nghiên cứu sinh**

**PGS.TS. Từ Trung Kiên TS. Trần Thị Bích Ngọc Hoàng Thị Hồng Nhung**